

BẢNG BÁO GIÁ GIÁO CỤ KIDO (ẤN ĐỘ)

MOTA xin trân trọng cảm ơn quý khách hàng đã tin dùng sản phẩm và dịch vụ của công ty.
Chúng tôi xin gửi đến quý khách hàng bảng báo giá cụ thể như sau:

CHÍNH SÁCH CHIẾT KHẤU				
	MEMBER	SILVER	GOLD	DIAMOND
KIDO	10%	20%	25%	25%
PLUS				35%
STANDARD				27%
	5 - dưới 20 triệu	20 - dưới 50 triệu	50 - dưới 200 triệu	Trên 200 triệu
GHI CHÚ				
1. Khi đặt hàng thành viên, Quý khách hàng được mức chiết khấu như mức trên.				
2. Lợi ích: Hỗ trợ tuyển sinh, tham gia webinar, miễn phí sử dụng TOMIA up to 6 tháng.				

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT (VNĐ)	MÃ SP	LĨNH VỰC	ĐỘ TUỔI	DÒNG
1	Hộp thả khối cầu có khay		Cái	500.250	MKT 1001	CẢM QUAN	1-2 TUỔI	KIDO
2	Hộp thả bóng có ngăn kéo		Cái	516.350	MKT 1017	CẢM QUAN	1-2 TUỔI	KIDO
3	Hộp thả 3 bóng tròn		Cái	723.350	MKT 1051	CẢM QUAN	1-2 TUỔI	KIDO
4	Hộp thả khối trụ tròn lớn		Cái	433.550	MKT 1002	CẢM QUAN	1-2 TUỔI	KIDO
5	Hộp thả khối vuông		Cái	433.550	MKT 1003	CẢM QUAN	1-2 TUỔI	KIDO
6	Hộp thả khối tam giác		Cái	433.550	MKT 1004	CẢM QUAN	1-2 TUỔI	KIDO
7	Hộp thả khối chữ nhật		Cái	433.550	MKT 1005	CẢM QUAN	1-2 TUỔI	KIDO
8	Hộp thả khối cầu		Cái	433.550	MKT 1040	CẢM QUAN	1-2 TUỔI	KIDO
9	Hộp thả xu nắp lật 2 ngăn		Cái	571.550	MKT 1041	CẢM QUAN	1-2 TUỔI	KIDO
10	Hộp thả 4 khối hình học		Cái	618.700	MKT 1006	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
11	Hộp thả bóng len có ngăn kéo		Cái	557.750	MKT 1018	CẢM QUAN	1-2 TUỔI	KIDO

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT (VNĐ)	MÃ SP	LĨNH VỰC	ĐỘ TUỔI	DÒNG
12	<u>Hộp thả khối tru màu</u>		Cái	563.500	MKT 1007	CẢM QUAN	1-2 TUỔI	KIDO
13	<u>Hộp 3 khối len tròn (3 màu cơ bản)</u>		Cái	626.750	MKT 1019	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
14	<u>Khay luân bóng len</u>		Cái	558.900	MKT 1042	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
15	<u>Hộp luân xu</u>		Cái	545.100	MKT 1043	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
16	<u>Mảnh ghép hình cơ bản (set 4 cái)</u>		Cái	587.650	MKT 1008	CẢM QUAN	1-2 TUỔI	KIDO
17	<u>Set 2: mảnh ghép 3 hình cơ bản & 3 hình tròn từ to tới nhỏ</u>		Cái	550.850	MKT 1009	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
18	<u>Chốt đứng với đĩa tròn</u>		Cái	221.950	MKT 1010	CẢM QUAN	1-2 TUỔI	KIDO
19	<u>Chốt đứng với hình khối vuông</u>		Cái	256.450	MKT 1011	CẢM QUAN	1-2 TUỔI	KIDO
20	<u>Chốt đứng với khối tròn</u>		Cái	315.100	MKT 1056	CẢM QUAN	1-2 TUỔI	KIDO
21	<u>Chốt ngang với hình đĩa tròn</u>		Cái	256.450	MKT 1012	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
22	<u>Chốt ngang với vòng tròn</u>		Cái	414.000	MKT 1053	CẢM QUAN	1-2 TUỔI	KIDO
23	<u>Chốt đứng với vòng tròn</u>		Cái	385.250	MKT 1054	CẢM QUAN	1-2 TUỔI	KIDO
24	<u>Chốt đứng với đĩa tròn (3 màu cơ bản)</u>		Cái	289.800	MKT 1013	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
25	<u>Chốt đứng 3 màu với Khối tròn, khối vuông, khối tam giác</u>		Cái	379.500	MKT 1050	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
26	<u>Chốt đứng kết hợp ngang - đường thẳng</u>		Cái	276.000	MKT 1014	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
27	<u>Chốt đứng kết hợp ngang - đường gợn sóng</u>		Cái	289.800	MKT 1015	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
28	<u>Vật 3D với đồ chứa kèm khay</u>		Cái	626.750	MKT 1016	CẢM QUAN	1-2 TUỔI	KIDO

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT (VNĐ)	MÃ SP	LĨNH VỰC	ĐỘ TUỔI	DÒNG
29	<u>Set 3 khối hình học cơ bản trong hộp chứa</u>		Cái	428.950	MKT 1047	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
30	<u>Hộp nắp trượt 2 ngăn</u>		Cái	593.400	MKT 1044	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
31	<u>Hộp 3 ngăn kéo</u>		Cái	857.900	MKT 1020	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
32	<u>Chốt đứng 3 đĩa tròn</u>		Cái	256.450	MKT 1021	CẢM QUAN	1-2 TUỔI	KIDO
33	<u>Thả 3 khối trụ tròn vào hố</u>		Cái	516.350	MKT 1048	CẢM QUAN	1-2 TUỔI	KIDO
34	<u>Thả 3 khối trụ đồng tâm trên 1 khay</u>		Cái	454.250	MKT 1049	CẢM QUAN	1-2 TUỔI	KIDO
35	<u>Hộp thả khối trụ tròn nhiều đường kính</u>		Cái	756.700	MKT 1052	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
36	<u>Thẻ số cùng với chữ số giấy nhám</u>		Cái	564.650	MKT 1022	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
37	<u>Bảng các chiều của 1 hình dạng: Set 3 hình</u>		Cái	483.000	MKT 1023	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
38	<u>Bảng phân số đơn giản: 1 đến 1/3</u>		Cái	346.150	MKT 1024	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
39	<u>Phân số đơn giản trên 1 khay - Hình tròn, hình vuông và hình tam giác</u>		Cái	723.350	MKT 1057	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
40	<u>Thẻ chấm với vật đếm</u>		Cái	736.000	MKT 1025	TOÁN HỌC	2-3 TUỔI	KIDO
41	<u>Khối trụ có núm đơn giản (khối trụ đơn)</u>		Cái	1.366.200	MKT 1026	CẢM QUAN	1-2 TUỔI	KIDO
42	<u>Mảnh ghép 3 hình cơ bản với bảng kiểm soát đầy đủ, đường viền và 1 nửa đường viền</u>		Cái	262.200	MKT 1027	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
43	<u>Mảnh ghép động vật với bảng kiểm soát đầy đủ, đường viền và 1 nửa đường viền</u>		Cái	262.200	MKT 1028	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
44	<u>Hộp số răng cưa bằng gỗ</u>		Cái	3.190.100	MKT 1029	VẬN ĐỘNG	2-3 TUỔI	KIDO
45	<u>Bảng các loại khóa và chốt cửa</u>		Cái	2.918.700	MKT 1030	VẬN ĐỘNG	2-3 TUỔI	KIDO

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT (VNĐ)	MÃ SP	LĨNH VỰC	ĐỘ TUỔI	DÒNG
46	<u>Bảng gỗ vận động cổ tay các đường cơ bản</u>		Cái	2.505.850	MKT 1031	VẬN ĐỘNG	1-2 TUỔI	KIDO
47	<u>Hộp đẩy đĩa tròn theo phương ngang</u>		Cái	599.150	MKT 1032	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
48	<u>Hộp đẩy đĩa tròn theo phương dọc</u>		Cái	593.400	MKT 1033	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
49	<u>Khối tru có núm cho trẻ 0-3 (set 4 khối)</u>		Cái	5.143.950	MKT 1034	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
50	<u>Set 4 khung cài áo cho trẻ 0-3</u>		Cái	1.852.650	MKT 1035	THCS	2-3 TUỔI	KIDO
51	<u>Bóng tròn nhỏ trên chốt nhỏ</u>		Cái	404.800	MKT 1036	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
52	<u>Bóng elip trên chốt nhỏ</u>		Cái	417.450	MKT 1037	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
53	<u>Hộp khối vuông xếp chồng</u>		Cái	736.000	MKT 1038	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
54	<u>Mảnh ghép hình dạng</u>		Cái	428.950	MKT 1039	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
55	<u>Khay phân loại kèm hạt màu</u>		Cái	646.300	MKT 1045	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
56	<u>Đĩa tròn lồng nhau</u>		Cái	202.400	MKT 1046	CẢM QUAN	6-12 THÁNG	KIDO
57	<u>Mảnh ghép cá kích thước từ lớn tới nhỏ</u>		Cái	240.350	K 018	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
58	<u>Mảnh ghép bướm kích thước từ lớn tới nhỏ</u>		Cái	240.350	K 019	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
59	<u>Chú hề đồ</u>		Cái	228.850	K 008	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
60	<u>Set 8 hình dạng hình học để xếp lồng</u>		Cái	368.000	K 103	CẢM QUAN	2-3 TUỔI	KIDO
61	<u>Tên của các động vật hoang dã</u>		Cái	266.800	K 117	NGÔN NGỮ	2-3 TUỔI	KIDO
62	<u>Tên của các thú nuôi</u>		Cái	266.800	K 118	NGÔN NGỮ	2-3 TUỔI	KIDO

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT (VNĐ)	MÃ SP	LĨNH VỰC	ĐỘ TUỔI	DÒNG
63	<u>Tên của các động vật dưới biển</u>		Cái	266.800	K 119	NGÔN NGỮ	2-3 TUỔI	KIDO
64	<u>Tên các loại phương tiện giao thông</u>		Cái	266.800	K 120	NGÔN NGỮ	2-3 TUỔI	KIDO
65	<u>Tên các loại trái cây</u>		Cái	266.800	K 121	NGÔN NGỮ	2-3 TUỔI	KIDO
66	<u>Tên các loại rau củ</u>		Cái	266.800	K 122	NGÔN NGỮ	2-3 TUỔI	KIDO
67	<u>Tên các loại hoa</u>		Cái	266.800	K 123	NGÔN NGỮ	2-3 TUỔI	KIDO
68	<u>Tên các loại chim</u>		Cái	266.800	K 124	NGÔN NGỮ	2-3 TUỔI	KIDO
69	<u>Tên các loại côn trùng</u>		Cái	266.800	K 126	NGÔN NGỮ	2-3 TUỔI	KIDO
70	<u>Set thớt và cây lăn bột</u>		Cái	310.500	K 084	THCS	2-3 TUỔI	KIDO
71	<u>Khối trụ có núm</u>		Cái	7.821.150	MKS 001	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
72	<u>Giá đặt khối trụ có núm</u>		Cái	2.255.150	MKF 801	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
73	<u>Tháp hồng</u>		Cái	2.658.800	MKS 002	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
74	<u>Đế đựng tháp hồng</u>		Cái	1.047.650	MKF 802	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
75	<u>Thang nâu đánh bóng</u>		Cái	4.081.350	MKS 003b	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
76	<u>Bàn đựng thang nâu</u>		Cái	1.746.850	MKF 803	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
77	<u>Gậy dài/ Gậy đỏ</u>		Cái	3.841.000	MKS 004	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
78	<u>Bàn đặt thang dài</u>		Cái	2.664.550	MKF 804	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
79	<u>Thẻ màu cơ bản/ Thẻ màu sơ cấp</u>		Cái	495.650	MKS 005	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT (VNĐ)	MÃ SP	LĨNH VỰC	ĐỘ TUỔI	DÒNG
80	<u>Thẻ màu thứ cấp</u>		Cái	1.368.500	MKS 006	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
81	<u>Khối hình học</u>		Cái	3.582.250	MKS 007	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
82	<u>Túi bí ẩn: Khối 3D</u>		Cái	187.450	MKS 008a	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
83	<u>Túi bí ẩn: Hình 2D</u>		Cái	249.550	MKS 008b	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
84	<u>Túi bí ẩn: Cùng hình dạng khác kích thước</u>		Cái	120.750	MKS 008c	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
85	<u>Túi bí ẩn: Khác hình dạng & kích thước</u>		Cái	112.700	MKS 008d	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
86	<u>Túi bí ẩn: Đồ vật quen thuộc</u>		Cái	172.500	MKS 008e	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
87	<u>Giá treo túi bí ẩn</u>		Cái	1.047.650	MKF 809	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
88	<u>Bảng chạm</u>		Cái	2.028.600	MKS 009	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
89	<u>Hộp âm thanh đánh bóng</u>		Cái	2.333.350	MKS 010a	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
90	<u>Hộp vải chạm: Vải màu</u>		Cái	579.600	MKS 011a	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
91	<u>Thẻ trong lượng</u>		Cái	2.028.600	MKS 012	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
92	<u>Thẻ màu tam cấp</u>		Cái	3.163.650	MKS 014	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
93	<u>Thẻ chạm</u>		Cái	1.153.450	MKS 015	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
94	<u>Tấm nhiệt</u>		Cái	1.704.300	MKS 016b	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
95	<u>Khay trình bày của Tủ hình học</u>		Cái	1.620.350	MKS 017	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
96	<u>Tủ hình học</u>		Cái	7.546.300	MKS 018	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT (VNĐ)	MÃ SP	LĨNH VỰC	ĐỘ TUỔI	DÒNG
97	<u>Hình dạng của tử hình học:</u> <u>Thẻ danh pháp 3 phần</u>		Cái	507.150	MKS 018a	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
98	<u>Bảng kiểm soát danh pháp của</u> <u>tử hình học</u>		Cái	182.850	MKS 018b	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
99	<u>Thẻ hình học</u>		Cái	5.746.550	MKS 019	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
100	<u>Mảnh ghép để vẽ</u>		Cái	4.135.400	MKS 021	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
101	<u>Giá để mảnh ghép để vẽ</u>		Cái	4.060.650	MKF 806	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
102	<u>Hình vuông nhị thức</u>		Cái	272.550	MKS 022	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
103	<u>Hình vuông tam thức</u>		Cái	316.250	MKS 023	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
104	<u>Khối nhị thức</u>		Cái	2.350.600	MKS 024	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
105	<u>Khối tam thức</u>		Cái	3.395.950	MKS 025	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
106	<u>Hình vuông thập thức</u>		Cái	2.685.250	MKS 026	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
107	<u>Khối tru màu (không nôm)</u>		Cái	4.154.950	MKS 027	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
108	<u>Tam giác dựng hình</u>		Cái	3.947.950	MKS 028	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
109	<u>Tam giác dựng hình màu xanh</u> <u>dương</u>		Cái	853.300	MKS 029	CẢM QUAN	5-6 TUỔI	KIDO
110	<u>Bình nhiệt</u>		Cái	6.840.200	MKS 030	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
111	<u>Lọ nôm</u>		Cái	770.500	MKS 031	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
112	<u>Lo ngữ</u>		Cái	1.434.050	MKS 032	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
113	<u>Hình xếp chồng</u>		Cái	1.997.550	MKS 033	CẢM QUAN	5-6 TUỔI	KIDO

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT (VNĐ)	MÃ SP	LĨNH VỰC	ĐỘ TUỔI	DÒNG
114	<u>Các hình đồng tâm</u>		Cái	923.450	MKS 034	CẢM QUAN	5-6 TUỔI	KIDO
115	<u>Hình đa giác: set 22 hộp</u>		Cái	3.713.350	MKS 035	CẢM QUAN	5-6 TUỔI	KIDO
116	<u>Khay đựng khăn ăn & khăn lau bụi</u>		Cái	1.089.050	MKE 501	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
117	<u>12 Khăn ăn để gấp và 3 khăn lau bụi</u>		Cái	580.750	MKE 502	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
118	<u>Khung cài áo sơ-mi</u>		Cái	486.450	MKE 504	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
119	<u>Khung cài áo khoác</u>		Cái	486.450	MKE 505	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
120	<u>Khung cài khuy móc</u>		Cái	486.450	MKE 506a	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
121	<u>Khung cài khuy bấm</u>		Cái	486.450	MKE 507	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
122	<u>Khung thắt dây giày</u>		Cái	545.100	MKE 508	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
123	<u>Khung thắt nơ</u>		Cái	500.250	MKE 509	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
124	<u>Khung cài dây nịt</u>		Cái	552.000	MKE 510	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
125	<u>Khung dây kéo áo khoác</u>		Cái	539.350	MKE 511a	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
126	<u>Khung dán véc-rô</u>		Cái	530.150	MKE 514	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
127	Kệ treo 8 khung cài		Cái	6.642.400	MKF 807	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
128	<u>Giá đặt 4 khung cài</u>		Cái	1.611.150	MKF 808	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
129	<u>Set dụng cụ dọn vệ sinh</u>		Cái	442.750	MKE 533	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
130	<u>Giá treo chổi và ki hốt rác</u>		Cái	1.531.800	MKF 810	THCS	3-4 TUỔI	KIDO

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT (VNĐ)	MÃ SP	LĨNH VỰC	ĐỘ TUỔI	DÒNG
131	<u>Bảng bên dây</u>		Cái	282.900	MKE 539	THCS	5-6 TUỔI	KIDO
132	<u>Hộp các loại khóa cơ</u>		Cái	2.149.350	MKE 551	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
133	<u>Khối gỗ xây dựng (Cổng Ấn Độ: Kiến trúc La Mã)</u>		Cái	1.475.450	MKE 552	THCS	5-6 TUỔI	KIDO
134	<u>Bàn rửa tay kèm dụng cụ</u>		Cái	1.407.600	MKE 555	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
135	<u>Khối may khuy gỗ lớn</u>		Cái	219.650	MKE 562	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
136	<u>Hoạt động đóng và mở</u>		Cái	462.300	MKE 563	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
137	<u>Gậy số</u>		Cái	4.268.800	MKM 101	TOÁN	4-5 TUỔI	KIDO
138	<u>Bàn đặt gậy số</u>		Cái	2.664.550	MKF 805	TOÁN	4-5 TUỔI	KIDO
139	<u>Thẻ số (cho gậy số)</u>		Cái	416.300	MKM 102	TOÁN	4-5 TUỔI	KIDO
140	<u>Thẻ số giấy nhám</u>		Cái	527.850	MKM 103	TOÁN	4-5 TUỔI	KIDO
141	<u>Hộp que đếm</u>		Cái	1.677.850	MKM 104	TOÁN	4-5 TUỔI	KIDO
142	<u>Thẻ số và vật đếm</u>		Cái	584.200	MKM 105	TOÁN	4-5 TUỔI	KIDO
143	<u>Thẻ số - Tên gọi truyền thống</u>		Cái	637.100	MKM 106	TOÁN	4-5 TUỔI	KIDO
144	<u>Giới thiệu tên Học cụ hạt của hệ thập phân</u>		Cái	1.518.000	MKM 107a	TOÁN	4-5 TUỔI	KIDO
145	<u>Giới thiệu tên Học cụ thẻ của hệ thập phân</u>		Cái	192.050	MKM 107d	TOÁN	4-5 TUỔI	KIDO
146	<u>Học cụ hạt – Phần tính hệ thập phân</u>		Cái	2.199.950	MKM 107b	TOÁN	4-5 TUỔI	KIDO
147	<u>Thảm phân cấp bậc hệ thập phân</u>		Cái	225.400	MKM 107c	TOÁN	4-5 TUỔI	KIDO

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT (VNĐ)	MÃ SP	LĨNH VỰC	ĐỘ TUỔI	DÒNG
148	<u>Thẻ số 1-1000</u>		Cái	949.900	MKM 108	TOÁN	4-5 TUỔI	KIDO
149	<u>Khối ngàn và hình vuông trăm của Phần đông hệ thập phân</u>		Cái	4.519.500	MKM 109	TOÁN	4-5 TUỔI	KIDO
150	<u>Thẻ số 1-9000</u>		Cái	1.208.650	MKM 111	TOÁN	4-5 TUỔI	KIDO
151	<u>Thẻ số nhỏ 1-3000: Set gồm 3 bộ</u>		Cái	1.368.500	MKM 112	TOÁN	4-5 TUỔI	KIDO
152	<u>Học cụ hạt của 1 và thanh 10</u>		Cái	583.050	MKM 113	TOÁN	4-5 TUỔI	KIDO
153	<u>Học cụ hạt Hộp thanh hạt màu & Hộp thanh vàng 10</u>		Cái	1.544.450	MKM 114	TOÁN	4-5 TUỔI	KIDO
154	<u>Bảng Seguin 10-19</u>		Cái	1.652.550	MKM 115	TOÁN	4-5 TUỔI	KIDO
155	<u>Hộp hạt Seguin</u>		Cái	335.800	MKM 116	TOÁN	4-5 TUỔI	KIDO
156	<u>Bảng Seguin 10-99</u>		Cái	1.652.550	MKM 117	TOÁN	4-5 TUỔI	KIDO
157	<u>Hộp thanh hạt 10 và hạt 1</u>		Cái	583.050	MKM 118	TOÁN	4-5 TUỔI	KIDO
158	<u>Bảng trăm</u>		Cái	1.106.300	MKM 119	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
159	<u>Bảng dài công</u>		Cái	748.650	MKM 120	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
160	<u>Hộp có nắp đây cho bảng dài công (chỉ có hộp, không có bảng)</u>		Cái	870.550	MKM 121	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
161	<u>Bảng dài trừ</u>		Cái	1.176.450	MKM 122	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
162	<u>Hộp có nắp đây cho bảng dài trừ (chỉ có hộp, không có bảng)</u>		Cái	870.550	MKM 123	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
163	<u>Bảng nhân đơn vị với học cụ hạt</u>		Cái	639.400	MKM 124	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
164	<u>Hộp có nắp đây cho bảng nhân đơn vị (chỉ có hộp, không có bảng)</u>		Cái	617.550	MKM 125	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT (VNĐ)	MÃ SP	LĨNH VỰC	ĐỘ TUỔI	DÒNG
165	<u>Bảng chia đơn vị với học cụ hạt</u>		Cái	615.250	MKM 126	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
166	<u>Hộp có nắp đậy cho bảng chia đơn vị (chỉ có hộp, không có bảng)</u>		Cái	617.550	MKM 127	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
167	<u>Mũi tên, thẻ vuông và chuỗi hạt kèm giá đỡ</u>		Cái	2.696.750	MKM 128	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
168	<u>Trò chơi con rắn – Phép cộng</u>		Cái	1.185.650	MKM 129	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
169	<u>Trò chơi con rắn – Phép trừ</u>		Cái	2.121.750	MKM 131	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
170	<u>Khung hạt thấp</u>		Cái	745.200	MKM 132	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
171	<u>Khung hạt cao</u>		Cái	814.200	MKM 133	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
172	<u>Trò chơi con tem</u>		Cái	1.553.650	MKM 134	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
173	<u>Trò chơi điểm chấm</u>		Cái	428.950	MKM 135	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
174	<u>Gậy số nhỏ</u>		Cái	2.474.800	MKM 136	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
175	<u>Các bảng kiểm soát (Bảng toàn phần, bán phần, bảng trống)</u>		Cái	4.733.400	MKM 137	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
176	<u>Hình tròn phân số với giá đựng</u>		Cái	3.111.900	MKM 138W	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
177	<u>Hình tròn đo góc (độ)</u>		Cái	520.950	MKM 139	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
178	<u>Hình tròn đo phần trăm</u>		Cái	520.950	MKM 140	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
179	<u>Set phân số với giá đựng</u>		Cái	6.515.900	MKM 142W	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
180	<u>Con ki phân số</u>		Cái	4.388.400	MKM 144	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
181	<u>Set bảng chia dài</u>		Cái	3.562.700	MKM 145	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT (VNĐ)	MÃ SP	LĨNH VỰC	ĐỘ TUỔI	DÒNG
182	<u>Khung hạt ngang</u>		Cái	970.600	MKM 146	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
183	<u>Học cu hạt đầy đủ (không bao gồm giá kê)</u>		Cái	8.902.150	MKM 147	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
184	<u>Mũi tên cho bộ học cu hạt đầy đủ</u>		Cái	4.419.450	MKM 147.2	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
185	<u>Bảng caro với hộp học cu hạt</u>		Cái	3.111.900	MKM 149	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
186	<u>Chuỗi hạt dài với giá treo</u>		Cái	1.414.500	MKM 150	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
187	<u>Trò chơi ngân hàng</u>		Cái	1.454.750	MKM 151	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
188	<u>Học cu que</u>		Cái	2.946.300	MKM 152	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
189	<u>Bảng cho học cu que (Chỉ có bảng)</u>		Cái	817.650	MKM 153	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
190	<u>Hình dựng hình</u>		Cái	2.915.250	MKM 155	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
191	<u>Bảng lỗ với chốt</u>		Cái	2.915.250	MKM 158	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
192	<u>Học cu phân số hệ thập phân</u>		Cái	3.537.400	MKM 159	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
193	<u>Phân số 1 đến 1/10</u>		Cái	2.946.300	MKM 160	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
194	<u>Phân số 1/11 đến 1/20</u>		Cái	3.730.600	MKM 161	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
195	<u>Tủ hình học bằng kim loại cơ bản</u>		Cái	30.238.100	MKM 162M	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
196	<u>Định lý Py-tha-go với giá đỡ</u>		Cái	2.474.800	MKM 169W	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
197	<u>Thanh hạt thập thức</u>		Cái	3.562.700	MKM 170	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
198	<u>Học cu tính thể tích</u>		Cái	1.997.550	MKM 171	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT (VNĐ)	MÃ SP	LĨNH VỰC	ĐỘ TUỔI	DÒNG
199	<u>Bảng căn bậc 2</u>		Cái	560.050	MKM 172	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
200	<u>Set 3 khối kim loại rỗng đo thể tích</u>		Cái	3.015.300	MKM 174	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
201	<u>Hộp gạch xếp hình</u>		Cái	3.537.400	MKM 175	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
202	<u>Khối cho tháp hồng</u>		Cái	1.148.850	MKM 176	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
203	<u>Khối cho thang nâu</u>		Cái	874.000	MKM 177	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
204	<u>Học cụ khối</u>		Cái	12.699.450	MKM 178	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
205	<u>Học cụ cấp bậc của số</u>		Cái	12.699.450	MKM 179	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
206	<u>Thanh đếm màu</u>		Cái	5.107.150	MKM 180	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
207	<u>Hộp thể tích với 250 khối</u>		Cái	2.946.300	MKM 181	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
208	<u>Khối lăng trụ vàng</u>		Cái	1.278.800	MKM 182	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
209	<u>Hộp 2 khối lập phương</u>		Cái	1.734.200	MKM 183	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
210	<u>Hộp 3 khối lập phương</u>		Cái	6.806.850	MKM 184	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
211	<u>Khối lập phương vàng</u>		Cái	1.245.450	MKM 185	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
212	<u>Bảng thập phân caro</u>		Cái	1.423.700	MKM 186	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
213	<u>Khối hình học cơ bản</u>		Cái	12.240.600	MKM 193	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
214	<u>Khối nhĩ thức đại số</u>		Cái	2.526.550	MKM 195	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO
215	<u>Khối tam thức số học</u>		Cái	3.699.550	MKM 196	TOÁN	TIỂU HỌC	KIDO

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT (VNĐ)	MÃ SP	LĨNH VỰC	ĐỘ TUỔI	DÒNG
216	<u>Chữ cái giấy nhám - chữ thường</u>		Cái	1.835.400	MKL 301	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
217	<u>Chữ cái giấy nhám - chữ in</u>		Cái	1.673.250	MKL 302	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
218	<u>Chữ cái giấy nhám - chữ viết hoa</u>		Cái	1.673.250	MKL 303	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
219	<u>Ngữ âm - chữ thường</u>		Cái	1.955.000	MKL 304	NGÔN NGỮ	5-6 TUỔI	KIDO
220	<u>Ngữ âm - chữ in</u>		Cái	1.765.250	MKL 305	NGÔN NGỮ	5-6 TUỔI	KIDO
221	<u>Bảng chữ cái di động - chữ thường</u>		Cái	3.590.300	MKL 306	NGÔN NGỮ	5-6 TUỔI	KIDO
222	<u>Bảng chữ cái di động - chữ in</u>		Cái	3.590.300	MKL 307a	NGÔN NGỮ	5-6 TUỔI	KIDO
223	<u>Hộp câu - chữ in</u>		Cái	2.298.850	MKL 311a	NGÔN NGỮ	5-6 TUỔI	KIDO
224	Tiếng Việt_Chữ cái giấy nhám - chữ viết tay		Cái	1.982.600	Z 077	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
225	Tiếng Việt_Chữ cái giấy nhám - chữ in		Cái	1.802.050	Z 078	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
226	Tiếng Việt_Chữ cái di động - chữ viết tay		Cái	3.930.700	Z 079	NGÔN NGỮ	5-6 TUỔI	KIDO
227	<u>Tiếng Việt_Chữ cái di động - chữ in</u>		Cái	3.930.700	Z 080	NGÔN NGỮ	5-6 TUỔI	KIDO
228	<u>Thảm cho bảng chữ cái di động</u>		Cái	164.450	MKA 703	NGÔN NGỮ	5-6 TUỔI	KIDO
229	<u>Hộp nguyên âm - chữ thường (thẻ 2 phần)</u>		Cái	2.638.100	MKL 312a	NGÔN NGỮ	3-4 TUỔI	KIDO
230	<u>Hộp nguyên âm - chữ in (thẻ 2 phần)</u>		Cái	2.638.100	MKL 313a	NGÔN NGỮ	3-4 TUỔI	KIDO
231	<u>Bảng phân tích logic: set 2 bảng</u>		Cái	1.547.900	MKL 321	NGÔN NGỮ	3-4 TUỔI	KIDO
232	<u>Bảng phân tích logic: set 4 bảng</u>		Cái	3.224.600	MKL 322	NGÔN NGỮ	3-4 TUỔI	KIDO

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT (VNĐ)	MÃ SP	LĨNH VỰC	ĐỘ TUỔI	DÒNG
233	<u>Hộp ngữ pháp</u>		Cái	3.018.750	MKL 323	NGÔN NGỮ	3-4 TUỔI	KIDO
234	<u>Hộp làm đầy: set 35 hộp</u>		Cái	7.305.950	MKL 324	NGÔN NGỮ	3-4 TUỔI	KIDO
235	<u>Hộp 300 hình và từ</u>		Cái	13.338.850	MKL 325	NGÔN NGỮ	3-4 TUỔI	KIDO
236	<u>Hộp các ký hiệu Ngữ pháp - 2D</u>		Cái	1.547.900	MKL 326	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
237	<u>Khối kí hiệu ngữ pháp 3D</u>		Cái	3.328.100	MKL 352b	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
238	<u>Thẻ ngữ pháp</u>		Cái	10.264.900	MKL 327	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
239	<u>Bài tập Phát hiện Tính từ</u>		Cái	1.509.950	MKL 329	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
240	<u>Bộ tập đọc 1: Set hồng</u>		Cái	4.256.150	MKL 345	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
241	<u>Bộ tập đọc 2: Set xanh dương</u>		Cái	4.256.150	MKL 346	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
242	<u>Bộ tập đọc 3: Set xanh lá không bao gồm hộp đồ vật</u>		Cái	5.931.700	MKL 347a	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
243	<u>Hộp đồ vật xanh lá</u>		Cái	1.443.250	MKL 347b	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
244	<u>Hộp ngữ pháp 1: Giới thiệu các quy luật ngữ pháp</u>		Cái	2.405.800	MKL 348	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
245	<u>Hộp ngữ pháp 2: Quy luật giới tính, Số ít và số nhiều</u>		Cái	2.265.500	MKL 349	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
246	<u>Khối Danh từ và động từ</u>		Cái	564.650	MKL 352a	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
247	<u>Thẻ danh pháp 3 phần: Thú cưng</u>		Cái	250.700	MKL 353	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
248	Thẻ danh pháp 3 phần: Thiết bị		Cái	250.700	MKL 356	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
249	Thẻ danh pháp 3 phần: Nhạc cụ		Cái	250.700	MKL 357	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT (VNĐ)	MÃ SP	LĨNH VỰC	ĐỘ TUỔI	DÒNG
250	<u>Thẻ danh pháp 3 phần: Rau củ</u>		Cái	250.700	MKL 367	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
251	Thẻ danh pháp 3 phần: Trái cây		Cái	250.700	MKL 368	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
252	Thẻ danh pháp 3 phần: Nghề nghiệp		Cái	250.700	MKL 369	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
253	<u>Thẻ danh pháp 3 phần: Bông hoa</u>		Cái	250.700	MKL 372	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
254	<u>Giá đựng học cu hạt (không kèm học cu hạt)</u>		Cái	11.432.150	MKF 821	TOÁN	5-6 TUỔI	KIDO
255	<u>Tủ thực vật học</u>		Cái	4.154.950	MKB 461	THỰC VẬT	4-5 TUỔI	KIDO
256	<u>Bảng kiểm soát danh pháp của tủ thực vật học</u>		Cái	203.550	MKB 461a	THỰC VẬT	4-5 TUỔI	KIDO
257	<u>Hình dạng của tủ thực vật học: Thẻ danh pháp 3 phần</u>		Cái	256.450	MKB 461b	THỰC VẬT	4-5 TUỔI	KIDO
258	<u>Thẻ thực vật học</u>		Cái	2.656.500	MKB 462	THỰC VẬT	4-5 TUỔI	KIDO
259	<u>Mảnh ghép hình bông hoa</u>		Cái	240.350	MKB 463	THỰC VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
260	<u>Mảnh ghép hình lá</u>		Cái	240.350	MKB 464	THỰC VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
261	<u>Mảnh ghép hình cây</u>		Cái	240.350	MKB 465	THỰC VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
262	<u>Mảnh ghép hình rễ cây</u>		Cái	240.350	MKB 951	THỰC VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
263	<u>Mảnh ghép hình hạt</u>		Cái	240.350	MKB 952	THỰC VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
264	<u>Thẻ kiểm soát – Mạch ghép hình bông hoa</u>		Cái	85.100	MKB 463a	THỰC VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
265	<u>Thẻ kiểm soát – Mạch ghép hình lá</u>		Cái	85.100	MKB 464a	THỰC VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
266	<u>Thẻ kiểm soát – Mạch ghép hình cây</u>		Cái	85.100	MKB 465a	THỰC VẬT	3-4 TUỔI	KIDO

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT (VNĐ)	MÃ SP	LĨNH VỰC	ĐỘ TUỔI	DÒNG
267	<u>Thẻ kiểm soát – Mảnh ghép hình rễ cây</u>		Cái	85.100	MKB 951a	THỰC VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
268	<u>Thẻ kiểm soát – Mảnh ghép hình hạt</u>		Cái	85.100	MKB 952a	THỰC VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
269	<u>Vòng đời của cây</u>		Cái	571.550	MKB 469	THỰC VẬT	4-5 TUỔI	KIDO
270	<u>Thẻ thuật ngữ: Bộ phận của một bông hoa</u>		Cái	602.600	MKB 489	THỰC VẬT	4-5 TUỔI	KIDO
271	<u>Thẻ thuật ngữ: Bộ phận của một chiếc lá</u>		Cái	462.300	MKB 490	THỰC VẬT	4-5 TUỔI	KIDO
272	<u>Thẻ thuật ngữ: Bộ phận của một cái cây</u>		Cái	462.300	MKB 491	THỰC VẬT	4-5 TUỔI	KIDO
273	<u>Mảnh ghép hình con cá</u>		Cái	240.350	MKZ 470	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
274	<u>Mảnh ghép hình con ếch</u>		Cái	240.350	MKZ 471	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
275	<u>Mảnh ghép hình con rùa</u>		Cái	240.350	MKZ 472	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
276	<u>Mảnh ghép hình con chim</u>		Cái	240.350	MKZ 473	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
277	<u>Mảnh ghép hình con ngựa</u>		Cái	240.350	MKZ 474	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
278	<u>Mảnh ghép hình con ốc sên</u>		Cái	240.350	MKZ 475	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
279	<u>Mảnh ghép hình con ong</u>		Cái	240.350	MKZ 476	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
280	<u>Mảnh ghép hình con tôm hùm</u>		Cái	240.350	MKZ 477	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
281	<u>Mảnh ghép hình con nhện</u>		Cái	240.350	MKZ 478	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
282	<u>Mảnh ghép hình ngôi sao</u>		Cái	240.350	MKZ 479	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
283	<u>Mảnh ghép hình bé trai</u>		Cái	240.350	K 222	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT (VNĐ)	MÃ SP	LĨNH VỰC	ĐỘ TUỔI	DÒNG
284	<u>Mảnh ghép hình con bướm</u>		Cái	240.350	MKZ 481	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
285	<u>Thẻ kiểm soát – Mạch ghép hình con cá</u>		Cái	80.500	MKZ 470a	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
286	<u>Thẻ kiểm soát – Mạch ghép hình con ếch</u>		Cái	80.500	MKZ 471a	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
287	<u>Thẻ kiểm soát – Mạch ghép hình con rùa</u>		Cái	80.500	MKZ 472a	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
288	<u>Thẻ kiểm soát – Mạch ghép hình con chim</u>		Cái	80.500	MKZ 473a	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
289	<u>Thẻ kiểm soát – Mạch ghép hình con ngựa</u>		Cái	80.500	MKZ 474a	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
290	<u>Thẻ kiểm soát – Mạch ghép hình con ốc sên</u>		Cái	80.500	MKZ 475a	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
291	<u>Thẻ kiểm soát – Mạch ghép hình con ong</u>		Cái	80.500	MKZ 476a	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
292	<u>Thẻ kiểm soát – Mạch ghép hình con tôm hùm</u>		Cái	80.500	MKZ 477a	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
293	<u>Thẻ kiểm soát – Mạch ghép hình con nhện</u>		Cái	80.500	MKZ 478a	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
294	<u>Thẻ kiểm soát – Mạch ghép hình con sao biển</u>		Cái	80.500	MKZ 479a	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
295	<u>Thẻ kiểm soát – Mạch ghép hình con bướm</u>		Cái	80.500	MKZ 481a	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO
296	<u>Vòng đời của con gà mái</u>		Cái	546.250	MKZ 486	ĐỘNG VẬT	4-5 TUỔI	KIDO
297	<u>Vòng đời của con bướm</u>		Cái	546.250	MKZ 487	ĐỘNG VẬT	4-5 TUỔI	KIDO
298	<u>Vòng đời của con ếch</u>		Cái	546.250	MKZ 488	ĐỘNG VẬT	4-5 TUỔI	KIDO
299	<u>Thẻ danh pháp: Các bộ phận của con cá</u>		Cái	504.850	MKZ 493	ĐỘNG VẬT	4-5 TUỔI	KIDO
300	<u>Thẻ danh pháp: Các bộ phận của con chim</u>		Cái	461.150	MKZ 492	ĐỘNG VẬT	4-5 TUỔI	KIDO

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT (VNĐ)	MÃ SP	LĨNH VỰC	ĐỘ TUỔI	DÒNG
301	<u>Thẻ danh pháp: Các bộ phận của con ếch</u>		Cái	461.150	MKZ 494	ĐỘNG VẬT	4-5 TUỔI	KIDO
302	<u>Thẻ danh pháp: Các bộ phận của con ngựa</u>		Cái	520.950	MKZ 495	ĐỘNG VẬT	4-5 TUỔI	KIDO
303	<u>Thẻ danh pháp: Các bộ phận của con rùa</u>		Cái	463.450	MKZ 496	ĐỘNG VẬT	4-5 TUỔI	KIDO
304	<u>Thẻ danh pháp: Các bộ phận của con người</u>		Cái	461.150	MKZ 901	ĐỘNG VẬT	4-5 TUỔI	KIDO
305	<u>Thẻ danh pháp 3 phần: Những sinh vật sống</u>		Cái	240.350	MKZ 903	ĐỘNG VẬT	4-5 TUỔI	KIDO
306	<u>Thẻ danh pháp 3 phần: Những sinh vật không sống</u>		Cái	240.350	MKZ 904	ĐỘNG VẬT	4-5 TUỔI	KIDO
307	<u>Vật không sống: Thẻ phân loại</u>		Cái	332.350	MKZ 923	ĐỘNG VẬT	4-5 TUỔI	KIDO
308	<u>Cân trọng lượng</u>		Cái	1.509.950	MKC 605	KHOA HỌC	5-6 TUỔI	KIDO
309	<u>Mặt phẳng nghiêng dốc xuống</u>		Cái	756.700	MKC 608a	KHOA HỌC	5-6 TUỔI	KIDO
310	<u>Hệ mặt trời: Thẻ danh pháp 3 phần</u>		Cái	457.700	MKC 609	ĐỊA LÝ	5-6 TUỔI	KIDO
311	<u>Thẻ đất liền với giá đựng: 6 cặp</u>		Cái	1.997.550	MKG 401	ĐỊA LÝ	5-6 TUỔI	KIDO
312	<u>Khay đất liền: Khuôn 3D - 6 cặp</u>		Cái	6.351.450	MKG 436	ĐỊA LÝ	5-6 TUỔI	KIDO
313	<u>Thẻ kiểm soát 3 phần - Đất liền & nước: 5 cặp</u>		Cái	554.300	MKG 437	ĐỊA LÝ	5-6 TUỔI	KIDO
314	<u>Quả địa cầu (Luc địa)</u>		Cái	1.767.550	MKG 407	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO
315	<u>Quả địa cầu (Đất liền & Nước)</u>		Cái	1.637.600	MKG 408	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO
316	<u>Mảnh ghép bản đồ Thế giới</u>		Cái	1.800.900	MKG 409	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO
317	<u>Mảnh ghép bản đồ châu Bắc Mỹ</u>		Cái	1.933.150	MKG 410	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT (VNĐ)	MÃ SP	LĨNH VỰC	ĐỘ TUỔI	DÒNG
318	<u>Mảnh ghép bản đồ châu Nam Mỹ</u>		Cái	1.933.150	MKG 411	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO
319	<u>Mảnh ghép bản đồ châu Âu</u>		Cái	2.128.650	MKG 412	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO
320	<u>Mảnh ghép bản đồ châu Phi</u>		Cái	2.057.350	MKG 413	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO
321	<u>Mảnh ghép bản đồ châu Á</u>		Cái	2.128.650	MKG 414	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO
322	<u>Mảnh ghép bản đồ châu Úc</u>		Cái	1.859.550	MKG 415	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO
323	<u>Ghép cặp lá cờ</u>		Cái	2.195.350	MKG 417	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO
324	<u>Lá cờ đơn</u>		Cái	173.650	MKG 433	ĐỊA LÝ	5-6 TUỔI	KIDO
325	<u>Lá cờ 30 nước với giá đứng</u>		Cái	4.713.850	MKG 435	ĐỊA LÝ	5-6 TUỔI	KIDO
326	<u>Lá cờ của châu Á với giá đứng</u>		Cái	7.855.650	MKG 418	ĐỊA LÝ	5-6 TUỔI	KIDO
327	<u>Bản đồ kiểm soát – Bản đồ thế giới kèm tên</u>		Cái	231.150	MKG 425a	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO
328	<u>Bản đồ kiểm soát – Bản đồ châu Bắc Mỹ kèm tên</u>		Cái	231.150	MKG 426a	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO
329	<u>Bản đồ kiểm soát – Bản đồ châu Nam Mỹ kèm tên</u>		Cái	231.150	MKG 427a	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO
330	<u>Bản đồ kiểm soát – Bản đồ châu Âu kèm tên</u>		Cái	231.150	MKG 428a	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO
331	<u>Bản đồ kiểm soát – Bản đồ châu Phi kèm tên</u>		Cái	231.150	MKG 429a	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO
332	<u>Bản đồ kiểm soát – Bản đồ châu Á kèm tên</u>		Cái	231.150	MKG 430a	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO
333	<u>Bản đồ kiểm soát – Bản đồ châu Úc kèm tên</u>		Cái	231.150	MKG 431a	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO
334	<u>Bản đồ tách biệt: Lục địa</u>		Cái	262.200	MKG 438	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT (VNĐ)	MÃ SP	LĨNH VỰC	ĐỘ TUỔI	DÒNG
335	<u>Bản đồ tách biệt: Đại dương</u>		Cái	262.200	MKG 439	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO
336	<u>Thẻ lục địa với danh pháp</u>		Cái	340.400	MKG 441	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO
337	<u>Mảnh ghép bản đồ các vùng miền VN và 4 quần đảo</u>		Cái	2.358.650	Z 081	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO
338	<u>Tranh kiểm soát Bản đồ VN</u>		Cái	256.450	Z 082	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO
339	<u>Set bản đồ châu Á (quốc gia, thủ đô, cờ và bản đồ kiểm soát)</u>		Cái	3.470.700	MKG 442	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO
340	<u>Mảnh vải bịt mắt</u>		Cái	118.450	MKA 701	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
341	<u>Túi lập thể loại nhỏ (set 7 túi - chỉ gồm túi)</u>		Cái	315.100	MKA 702	CẢM QUAN	3-4 TUỔI	KIDO
342	<u>Bảng cứng/ Tấm đệm cho Mảnh ghép để vẽ</u>		Cái	404.800	MKA 704	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
343	<u>Giấy màu cho Mảnh ghép để vẽ (không kèm khay đựng)</u>		Cái	221.950	MKA 705	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
344	<u>Giá đựng 55 bút chì</u>		Cái	332.350	MKA 706	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
345	<u>Giá đựng 3 bút chì</u>		Cái	236.900	MKA 707	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
346	<u>Lo đựng bút chì màu (set 11 lo) – Không kèm bút chì</u>		Cái	819.950	MKA 708	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
347	<u>Chén xanh lá cho Hệ thập phân</u>		Cái	236.900	MKA 709	TOÁN	3-4 TUỔI	KIDO
348	<u>Thảm dầu</u>		Cái	134.550	MKA 712	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
349	<u>Giá đựng 5 thảm dầu</u>		Cái	1.128.150	MKF 827	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
350	<u>Thảm ngồi</u>		Cái	78.200	MKA 713	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
351	<u>Thảm làm việc</u>		Cái	303.600	MKA 714	THCS	3-4 TUỔI	KIDO

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT (VNĐ)	MÃ SP	LĨNH VỰC	ĐỘ TUỔI	DÒNG
352	<u>Thảm trình bày 4ft x 3ft</u>		Cái	319.700	MKA 714a	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
353	<u>Thảm trình bày 3ft x 3ft</u>		Cái	285.200	MKA 715	THCS	3-4 TUỔI	KIDO
354	<u>Khay đựng giấy cho mảnh ghép để vẽ</u>		Cái	133.400	MKA 717	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
355	<u>Giấy để viết (4 dòng)</u>		Cái	121.900	MKA 722	CẢM QUAN	4-5 TUỔI	KIDO
356	<u>Bảng có dòng kẻ và có ô vuông - 4 dòng ở một mặt và hình vuông ở mặt bên kia.</u>		Cái	142.600	K 401	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
357	<u>Bảng nhỏ - 4 dòng ở một mặt và hình vuông ở mặt bên kia.</u>		Cái	90.850	K 403	NGÔN NGỮ	4-5 TUỔI	KIDO
358	<u>Giá đặt khuôn địa lý</u>		Cái	2.417.300	MKF 826	ĐỊA LÝ	4-5 TUỔI	KIDO
359	<u>Tủ đựng mảnh ghép động thực vật (không kèm mảnh ghép)</u>		Cái	1.288.000	MKF 828	ĐỘNG VẬT	3-4 TUỔI	KIDO

Ghi chú:

Giá trên đã bao gồm 5% thuế GTGT

Bảng báo giá chỉ áp dụng trong vòng 10 ngày kể từ ngày khách hàng nhận báo giá

Thời gian giao hàng: tùy theo yêu cầu và tính chất từng đơn hàng

Nội thành TP. HCM: 2-3 ngày làm việc

Ngoại thành TP.HCM: 3-6 ngày làm việc

Phí vận chuyển (Trừ nội thất và Bộ vận động ngoài trời):

Đơn hàng từ 5 triệu: Hỗ trợ, nhưng không vượt quá 3% giá trị đơn hàng.

Đơn hàng dưới 5 triệu: Hỗ trợ 50% phí vận chuyển, nhưng không vượt quá 3% giá trị đơn hàng.